

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Ủy viên
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên
Ông Tô Văn Tám	Ủy viên
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Văn Tám	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm 13/05/2011)
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nghĩa Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm 25/05/2011)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 23/06/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Ngọc Bàng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 08 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 10 tháng 08 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 4 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		734.512.962.064	762.594.671.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.110.841.770	171.728.102.794
1. Tiền	111	V.1	17.110.841.770	33.728.102.794
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	138.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	198.269.971.111	162.282.498.942
1. Đầu tư ngắn hạn	121		198.269.971.111	162.282.498.942
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		441.501.626.835	365.508.577.900
1. Phải thu khách hàng	131		121.841.074.335	159.923.201.173
2. Trả trước cho người bán	132		96.294.818.704	58.856.585.499
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		45.143.664.359	22.316.240.157
4. Các khoản phải thu khác	135		178.222.069.437	124.412.551.071
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	59.415.521.762	47.890.582.606
1. Hàng tồn kho	141		59.415.521.762	47.890.582.606
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.215.000.586	15.184.909.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.982.497.881	5.982.627.916
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.483.436	4.308.786.618
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.179.019.269	4.893.494.584
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		538.334.514.634	528.016.888.575
I. Tài sản cố định	220		119.218.863.774	149.191.347.464
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	85.684.174.474	104.348.559.377
- Nguyên giá	222		124.329.161.120	140.705.960.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.644.986.646)	(36.357.401.130)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.313.814	12.725.975
- Nguyên giá	228		129.022.400	146.376.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.708.586)	(133.650.025)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	33.532.375.486	44.830.062.112
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		403.204.813.096	367.629.937.195
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.6	348.879.937.195	320.829.937.195
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	54.324.875.901	46.800.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		15.910.837.764	11.195.603.916
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15.910.837.764	11.195.603.916
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.272.847.476.698	1.290.611.559.935

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.107.464.678.295	1.100.175.654.531
I. Nợ ngắn hạn	310		1.070.864.555.459	1.055.907.079.574
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	222.817.268.957	196.204.829.366
2. Phải trả người bán	312		396.130.158.166	425.749.384.227
3. Người mua trả tiền trước	313		169.877.741.526	107.461.953.793
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	4.352.535.355	9.203.434.488
5. Phải trả người lao động	315		6.714.640.507	4.923.765.882
6. Chi phí phải trả	316		13.977.019.349	4.588.753.066
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		235.876.052.735	306.762.067.816
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		21.119.138.864	1.012.890.936
II. Nợ dài hạn	330		36.600.122.836	44.268.574.957
1. Phải trả dài hạn khác	333		23.414.000	23.414.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	35.920.188.937	43.588.641.058
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		656.519.899	656.519.899
B. NGUỒN VỐN	400		165.382.798.403	190.435.905.404
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	165.382.798.403	190.435.905.404
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		380.952.382	380.952.382
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		30.453.682.587	7.748.403.587
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.769.322.159	6.632.469.159
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.778.841.275	75.674.080.276
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.272.847.476.698	1.290.611.559.935

Nguyễn Ngọc Băng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Cao Thị Thanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	318.646.782.470	280.763.000.833
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.200.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		318.646.782.470	280.759.800.833
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	294.628.819.607	255.086.028.947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.017.962.863	25.673.771.886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.209.058.102	5.252.225.078
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.196.632.996	8.717.452.243
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.194.048.163</i>	<i>8.717.452.243</i>
8. Chi phí bán hàng	24		4.560.000	90.563.151
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.666.788.590	7.054.211.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.359.039.379	15.063.770.509
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.587.417.028	20.971.578.461
12. Chi phí khác	32		233.216.098	1.290.224.039
13. Lợi nhuận khác	40		3.354.200.930	19.681.354.422
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45		15.713.240.309	34.745.124.931
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	2.912.060.078	8.686.281.232
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.801.180.231	26.058.843.699

Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Cao Thị Thanh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	15.713.240.309	34.745.124.931
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.163.118.124	11.602.201.336
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	14.353.923.941	2.060.573.459
Chi phí lãi vay	06	21.194.048.163	8.717.452.243
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	61.424.330.537	57.125.351.969
Tăng các khoản phải thu	09	(79.681.399.722)	(124.915.809.361)
Tăng hàng tồn kho	10	(11.524.939.156)	(22.485.745.169)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(83.054.012.238)	14.876.700.750
Tăng chi phí trả trước	12	(10.715.103.813)	(3.927.681.218)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.131.632.996)	(480.876.836)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.119.213.740)	(1.071.059.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(149.801.971.128)	(80.879.119.074)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21	(1.517.291.183)	(146.666.294)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(191.317.337.519)	(143.409.831.718)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	155.329.865.350	70.280.230.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.658.129.284	55.962.051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.846.634.068)	(113.220.305.961)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	136.841.293.060	187.959.371.675
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(109.809.948.888)	(34.450.664.275)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.031.344.172	143.508.707.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(154.617.261.024)	(50.590.717.635)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	171.728.102.794	69.016.115.850
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	17.110.841.770	18.425.398.215

Nguyễn Ngọc Băng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Cao Thị Thanh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 3 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Ngày 01 tháng 04 năm 2008, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chuyển quyền sở hữu toàn bộ cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An cho Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số 2234/2008/PVN-PVC.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 04 năm 2009, Công ty đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty xây lắp dầu khí Nghệ An

Hoạt động chính của Công ty:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Hoạt động chính của Công ty (tiếp theo)

- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản	03 - 07

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm tiền thuê đất của Văn phòng Tổng công ty và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 49 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	8.603.725.364	4.277.357.790
Tiền gửi ngân hàng	8.507.116.406	29.450.745.004
	17.110.841.770	33.728.102.794

2. Đầu tư ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tiền cho vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân với thời hạn dưới 12 tháng và lãi suất cho vay dựa trên lãi suất thị trường tại từng thời điểm cho vay.

3. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.979.170.573	5.953.884.748
Công cụ, dụng cụ	75.573.019	288.020.079
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.071.377.494	41.265.802.540
Thành phẩm	252.124.588	382.875.239
Hàng hóa	37.276.088	-
Tổng cộng	59.415.521.762	47.890.582.606
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	59.415.521.762	47.890.582.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	20.481.203.755	74.354.228.305	38.814.836.071	1.205.181.467	5.850.510.909	140.705.960.507
Mua trong kỳ	31.160.000	292.408.363	5.518.676.638	-	-	5.842.245.001
Giảm khác	-	(21.054.366.241)	(1.134.312.147)	(30.366.000)	-	(22.219.044.388)
Tại ngày 30/06/2011	20.512.363.755	53.592.270.427	43.199.200.562	1.174.815.467	5.850.510.909	124.329.161.120
KHẤU HAO						
Tại ngày 01/01/2011	3.520.203.680	18.800.715.556	13.546.983.574	442.582.417	46.915.903	36.357.401.130
Khấu hao trong kỳ	1.275.331.001	4.081.134.062	3.926.692.117	92.205.432	794.696.951	10.170.059.563
Giảm khác	-	(7.322.530.398)	(546.370.349)	(13.573.300)	-	(7.882.474.047)
Tại ngày 30/06/2011	4.795.534.681	15.559.319.220	16.927.305.342	521.214.549	841.612.854	38.644.986.646
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	16.961.000.075	55.553.512.749	25.267.852.497	762.599.050	5.803.595.006	104.348.559.377
Tại ngày 30/06/2011	15.716.829.074	38.032.951.207	26.271.895.220	653.600.918	5.008.898.055	85.684.174.474

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là: 58.922.281.382 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.213.577.634 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Khu chung cư Trường Thi	32.621.128.045	43.921.505.149
Khác	911.247.441	908.556.963
	33.532.375.486	44.830.062.112

6. Đầu tư vào công ty con

		30/06/2011		01/01/2011
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Công ty CP Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An	1.878.525	54.450.000.000	910.800	26.400.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	8.100.000	91.645.000.000	8.100.000	91.645.000.000
Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9	19.253.500	202.784.937.195	19.253.500	202.784.937.195
		348.879.937.195		320.829.937.195

	Ngành nghề hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An	Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, Massage, mua bán bánh kẹo, thực phẩm.	18.975.000.000	99,00%	99,00%
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đầu tư tài chính.	150.861.600.000	53,69%	53,69%
Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9	Đầu tư xây dựng, khai thác khoáng sản, kinh doanh bất động sản, tư vấn, xây dựng các công trình, vận chuyển khách du lịch, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.	200.000.000.000	96,27%	96,27%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư Dầu khí V.I.P Việt Nam	26%	26%	46.800.000.000	46.800.000.000
Công ty CP Đầu tư đô thị Dầu khí Cửa Lò	1%	49%	1.274.875.901	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp số 1 Nghệ An	35%	35%	5.250.000.000	-
Công ty CP cơ khí đóng tàu Nghệ An	9%	35%	1.000.000.000	-
			54.324.875.901	46.800.000.000

8. Vay và nợ ngắn hạn

		30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An	(i)	58.593.192.183	6.683.514.753
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam	(ii)	3.002.120.000	33.119.256.937
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh	(iii)	26.413.341.900	34.545.000.000
Ngân hàng Công thương Bến Thủy		478.027.000	-
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí VN	(iv)	22.623.638.889	22.623.638.889
Vay đối tượng khác	(v)	111.706.948.985	99.233.418.787
		222.817.268.957	196.204.829.366

- (i) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An theo Hợp đồng số 01/2011/HĐTD ngày 15/6/2011 với hạn mức tín dụng là 140.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là lãi ngân hàng tại thời điểm vay. Thời hạn theo từng khế ước vay thông thường từ 3 đến 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên vay.
- (ii) Vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo hợp đồng số 27/TDHM-NH/TD10 ngày 21/4/2010 với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay theo từng thời điểm vay. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iii) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo từng hợp đồng với từng khoản vay. Lãi suất theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (iv) Vay Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí VN với hạn mức tín dụng là 22.623.638.889 đồng để trả tiền chuyển nhượng cổ phần lãi suất 5,5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bởi hình thức tín chấp.
- (v) Các đối tượng khác là ngân hàng hoặc cá nhân do các xí nghiệp, đội thi công thuộc Công ty ký hợp đồng vay bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	1.151.939.926	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.913.294.412	9.120.448.074
Các loại thuế khác	287.301.017	82.986.414
	4.352.535.355	9.203.434.488

10. Vay và nợ dài hạn

		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An	(i)	23.324.595.600	27.517.047.723
Ngân hàng Công thương Cửa Lò	(ii)	5.004.000.000	6.670.000.000
TCT Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam	(iii)	4.623.260.000	5.343.260.000
Ngân hàng TMCP XNK Vinh	(iv)	1.300.000.000	2.100.000.000
Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh	(v)	1.668.333.337	1.958.333.335
		35.920.188.937	43.588.641.058

- (i) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An theo các Hợp đồng số 01/2010/HĐ, số 02/2010/HĐ, số 03/2010/HĐ, số 04/2010/HĐ và 01/2009/HĐ để phục vụ cho dự án Đầu tư thiết bị thi công xây lắp của Công ty. Thời hạn vay dưới 5 năm, lãi suất vay là 12%/năm và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có đã đầu tư vào Dự án.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Cửa Lò theo hợp đồng tín dụng số 09200069/HĐTD ngày 4/8/2009. Tổng số tiền vay không quá 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 40 tháng. Lãi suất 10,5%/năm và thay đổi theo quy định của ngân hàng. Khoản vay được dùng để đầu tư dự án khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Cánh Sặt. Tài sản thế chấp là các máy móc, thiết bị, dụng cụ với tổng giá trị định giá là 14.397.000.000 đồng.
- (iii) Vay trung hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng số 032/2009/HĐTD/PVFC TH ngày 12/08/2009 để đầu tư máy móc thiết bị. Tổng số tiền vay không vượt quá 8.955.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất tính theo lãi suất do bên cho vay công bố tại thời điểm rút vốn.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam với tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng để mua 2 xe ô tô con. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay là 1,35%/tháng cố định trong thời gian 3 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực và thay đổi theo quy định của Ngân hàng. Tài sản thế chấp là phương tiện vận tải với tổng giá trị định giá là 3.069.700.000 đồng.
- (v) Vay Ngân hàng CP Đại Dương - CN Vinh theo hợp đồng số 0073/2010/HĐTD02-OCEAN BANK07 với số tiền vay 1,6 tỷ đồng mua máy đào bánh xích phục vụ thi công các công trình của công ty; Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 15%/năm, HĐ số 0200/2010/HĐTD02-OCEAN Bank 07 số tiền vay 540 triệu mua xe ô tô 7 chỗ hiệu TOYOTA FORTUNER; Thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 18%/năm; lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2010	100.000.000.000	380.952.382	1.617.480.660	501.546.232	26.646.726.417	128.549.362.753
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	75.684.265.592	75.684.265.592
Trả cổ tức	-	-	-	-	(10.000.130.000)	(10.000.130.000)
Phân phối các quỹ	-	-	6.130.922.927	6.130.922.927	(16.656.781.733)	(4.394.935.879)
Tại 01/01/2011	100.000.000.000	380.952.382	7.748.403.587	6.632.469.159	75.674.080.276	190.435.905.404
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.801.180.231	12.801.180.231
Trích các quỹ (*)	-	-	22.705.279.000	15.136.853.000	(63.696.419.232)	(25.854.287.232)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại 30/06/2011	100.000.000.000	380.952.382	30.453.682.587	21.769.322.159	12.778.841.275	165.382.798.403

(*): Công ty phân bổ lợi nhuận vào các Quỹ và chi cổ tức theo Nghị Quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.646.782.470	280.763.000.833
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	216.617.411.080	262.922.623.621
Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	102.029.371.390	17.840.377.212
	318.646.782.470	280.763.000.833

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	204.133.344.941	240.299.644.046
Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ	90.495.474.666	14.786.384.901
	294.628.819.607	255.086.028.947

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.038.658.102	5.252.225.078
Cổ tức nhận được	4.065.000.000	-
Lãi từ đầu tư chứng khoán	105.400.000	-
	22.209.058.102	5.252.225.078

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	21.194.048.163	8.717.452.243
Chi phí tài chính khác	2.584.833	-
Cộng	21.196.632.996	8.717.452.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn vào công ty con	3.114.314.121	19.424.727.273
Thu nhập khác	473.102.907	1.546.851.188
Cộng	3.587.417.028	20.971.578.461

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.713.240.309	34.745.124.931
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.065.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chuyển lỗ phát sinh năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.648.240.309	34.745.124.931
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.912.060.078	8.686.281.232
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	2.912.060.078	8.686.281.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Mua hàng		
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	2.954.224.549	-
Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9	1.977.481.007	-
	4.931.705.556	-
Số dư với các bên liên quan như sau:		
	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP đầu tư dầu khí V.I.P Việt Nam	-	79.645.938.442
Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch	2.953.853.400	2.075.858.000
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	53.791.673.934	89.084.585.031
Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9	9.041.390.096	647.111.813
Các khoản phải trả		
Công ty CP đầu tư dầu khí V.I.P Việt Nam	-	42.718.239.489
Công ty CP đầu tư và Thương mại dầu khí Nghệ An	4.419.868.015	42.516.255.006
Công ty CP Xi măng Dầu khí 12/9	64.265.281.039	10.136.242.642

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.

Nguyễn Ngọc Bằng
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Cao Thị Thanh
Kế toán trưởng